TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày 28-3-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tuân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Hòe và ông Nguyễn Hoài Phương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Giàng A Th; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Bị đơn: Ông Ma Seo N; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Sùng Thị Ch; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.
- Bà Chố Thị D; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Chố Thị D: Ông Ma Seo N; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/3/2018). Vắng mặt.

Người phiên dịch cho bà Sùng Thị Ch: Ông Kháng A N; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Giàng A Th trình bày: Diện tích đất ông tranh chấp với ông Ma Seo N là 475,3m^2 thuộc thửa đất số 43 tờ bản đồ số 10 có giấy chứng nhận QSDĐ số CA 924038 cấp ngày 24/11/2015 mang tên Giàng A Th và Sùng Thị Ch; nguồn gốc đất là do vợ chồng ông đổi đất cho ông Sùng Deo D bằng diện tích đất vợ chồng ông được UBND huyện Đ1 giao theo diện bố trí tái định cư cho dân di cư, đất của ông trước khi đổi có chiều ngang theo mặt đường là 20m, được giao từ năm 2001; đến năm 2006, 2007 ông đổi cho ông D 12m mặt đường để lấy 11m đất mặt đường của ông D cách đất khoảng 40m. khi đổi đất ông làm nhà ở trên đất năm 2007 và sử dụng đất ổn định cho đến năm 2016 thì ông Ma Seo N tranh chấp cho rằng đó là đất của ông Ma Seo N. Diện tích đất tranh chấp có tứ cận: Phía đông giáp đường; phía tây giáp đất ông Sùng Seo N; phía nam giáp đất ông Kháng A T; phía bắc giáp đất của ông Sùng Seo D. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ma Seo N chấm dứt hành vi chiếm đất và trả lại đất cho gia đình ông; bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả với tổng số tiền là 5.042.092 đồng gồm các khoản: thu nhập bị mất trong 24 ngày đi gửi đơn tại Tòa án, UBND huyện Đ, bưu điện, làm việc tại UBND xã Đ và Công an huyện Đ; chi phí gửi chuyển phát nhanh. Từ khi phát sinh tranh chấp đến nay vợ chồng ông vẫn là người trực tiếp sử dụng đất, sau khi xem xét thẩm định tại chỗ ông Ma Seo N khẳng định không còn tranh chấp đối với vợ chồng ông về diện tích đất trên, tuy nhiên ông không rút yêu cầu khởi kiện với lý do muốn có phán quyết của Tòa án về tranh chấp đối với vụ án.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Ma Seo N trình bày: Diện tích tranh chấp giữa ông và ông Th có tứ cận: phía đông giáp đường nhựa dài khoảng 15m; phía tây giáp đất ông S; phía nam giáp đất ông T; phía bắc giáp đất ông Sùng Seo D. Trên đất ông Th đã tạo lập một căn nhà gỗ vào năm 2007 - 2008. Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông N mua lại của ông Cư Seo P (hay Cư A P) năm 2003 giá 360.000 đồng (trả cho ông P tiền công khai hoang). Khi mua chỉ nói miệng với nhau và khi giao tiền có ông Thào A H (hay Thào Seo H) chứng kiến. Sau khi mua đất được khoảng 1, 2 tháng ông N làm 01 căn nhà gỗ trên đất thì ông Kháng A N (khi đó ông N đang làm thôn phó) không cho làm bắt phải dỡ bỏ nên năm 2004 ông N đã khiêng nhà chuyển sang vị trí nhà em trai là Ma Seo Th. Khoảng 1, 2 năm sau khi dỡ nhà thì ông D đến ở trên đất, trước đó ông D đang ở trên lô đất khác. Khi ông Th làm nhà trên đất thì ông mới biết là ông Th đổi đất cho ông D, giữa ông Th và ông D đổi đất với nhau từ thời điểm nào thì ông không biết. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N khẳng định không tranh chấp đất với ông Th, công nhận ông Th là người được sử dụng diện tích đất tranh chấp, nhưng do nguồn gốc đất là của ông nên yêu cầu ông Th phải trả lại diện tích đất trên. Kể từ thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ ông đã khẳng định không còn tranh chấp đối

với vợ chồng ông Th về diện tích đất trên, ông Th được quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ đã được cấp; việc ông Th không rút yêu cầu khởi kiện là quyền của ông Th, ông không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, ông N không đồng ý vì việc bỏ ra các chi phí trên là quyền của ông Th nên ông Th tự chịu.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, đã thực hiện cơ bản đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên họp và hòa giải. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Căn cứ giấy chứng nhận QSDĐ đã được UBND huyện Đ cấp cho vợ chồng ông Th đối với diện tích đất tranh chấp và khẳng định của ông N về việc không còn tranh chấp; các khoản nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt là do nguyên đơn tự thực hiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi đang là người trực tiếp sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chấm dứt hành vi chiếm đất và bồi thường thiệt hại nên tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*" theo quy định tại khoản 6 và khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại thôn 1, xã Đ, huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

[2]. Về tranh chấp giữa các đương sự: Trong quá trình hòa giải tại UBND xã Đ và người đang sử dụng đất trên thực tế là ông Giàng A Th; ông Ma Seo N cho rằng nguồn gốc đất là của ông nên yêu cầu ông Th trả lại đất. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2018 (BL 38) ông N trình bày không tranh chấp với ông Th về diện tích đất theo thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng có yêu cầu ông Th trả lại đất. Như vậy, giữa ông Th và ông N có tranh chấp về quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 43 tờ bản đồ số 10 với diện tích là 475,3m^2.

[3]. Về nguồn gốc đất tranh chấp: Ông Th có diện tích đất 20m mặt đường tại thôn 1, xã Đ, khoảng năm 2006 - 2007, ông Th đổi cho ông Sùng Seo D diện tích đất 12m mặt đường để lấy 11m mặt đường của ông D. Cả hai lô đất đều chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Đến năm 2015, vợ chồng ông Th được UBND huyện

Đ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CA 924038 ngày 24/11/2015 mang tên Giàng A Th và Sùng Thị Ch có diện tích 475,3m^2 thuộc thửa đất số 43 tờ bản đồ số 10, là diện tích đất đã nhận sau khi đổi đất với ông D.

[4]. Diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự: Theo đơn khởi kiện kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp là 475,3m^2 thuộc thửa đất số 43 tờ bản đồ số 10 có tứ cận: Phía đông giáp đường; phía tây giáp đất ông Sùng Seo N; phía nam giáp đất ông Kháng A Thắng; phía bắc giáp đất của ông Sùng Seo D. Diện tích đất tranh chấp thực tế vợ chồng ông Th đang sử dụng trùng với giấy chứng nhận QSDĐ đã được cấp, qua đó xác định: Diện tích đất tranh chấp là nguyên thửa đất số 43 tờ bản đồ số 10 với diện tích là 475,3m^2, có tứ cận: Phía đông giáp đường nhựa dài 10,98m, phía tây giáp thửa 50 dài 11,06m, phía nam giáp thửa 61 dài 43,28m, phía bắc giáp thửa 44 dài 43,48m.

Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất do vợ chồng ông Chá tạo lập gồm có: Nhà chính hai gác: diện tích: 10.2m x 6.3m = 64.26m^2; kết cấu khung gỗ sẻ, mái lợp tôn, nên đất, vách thưng ván. Phòng ngủ: Diện tích 6.2m x 3.2m = 19.84m^2; kết cấu khung gỗ sẻ, mái lợp tôn, nên đất, vách thưng ván. Mái hiên: Diện tích: 6.3m x 3.3m = 20.79m^2; kết cấu: khung gỗ sẻ, mái lợp tôn, nên đất. Công trình phụ: Diện tích 4.5m x 2m = 9m^2; kết cấu: Tường xây gạch 10, trần đỗ bê tông, nên lát gạch men (20cm x 20cm), móng bằng đá hộc. Mái hiên sau: Diện tích 3m x 6.3m = 18.9m^2; kết cấu khung gỗ sẻ, mái tôn, nên đất. 01 cây ổi (trồng năm 2007). 01 giếng nước sâu 8m, đường kính 90cm, thành xây gạch 10 cao 80cm, nắp đậy bằng bê tông. Giá trị của các tài sản trên là 176.473.964 đồng.

Ông Ma Seo N cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông nhận chuyển nhượng nhưng không có tài liệu chứng cứ, chứng minh. Mặt khác, sau khi xem xét thẩm định tại chỗ ông N thừa nhận diện tích đất tranh chấp là của ông Th và khẳng định không còn tranh chấp với ông Th đối với diện tích đất nêu trên. Các đương sự đều thừa nhận việc ông Th đổi đất, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về yêu cầu ông Ma Seo N chấm dứt hành vi chiếm đất và yêu cầu trả lại đất: Quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Th đối với 475,3m^2 thuộc thửa đất số 43 tờ bản đồ số 10 đã được UBND huyện Đ công nhận tại giấy chứng nhận QSDĐ số CA 924038 cấp ngày 24/11/2015 mang tên Giàng A Th và Sùng Thị Ch. Vì vậy, vợ chồng ông Th là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất nêu trên theo quy định tại Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 của Luật đất đai năm 2003. Từ khi đổi đất với ông D cho đến nay vợ chồng ông Th vẫn là người sử dụng đất, ông N có thể hiện ý kiến về việc tranh chấp đất nhưng không sử dụng đất trên

thực tế. Hiện nay ông N đã khẳng định không còn tranh chấp với vợ chồng ông Th về diện tích đất trên nhưng ông Th không rút yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, yêu cầu này của ông Th là không phù hợp với thực tế nên không chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả 5.042.092 đồng gồm các khoản: Thu nhập bị mất trong 24 ngày đi gửi đơn tại Tòa án, UBND huyện Đ, bưu điện, làm việc tại UBND xã Đ và Công an huyện Đ; chi phí gửi chuyển phát nhanh. Do ông N chưa chiếm đất và sử dụng đất tranh chấp trên thực tế, ông Th tự quyết định việc khiếu nại, khởi kiện nên ông Th phải chịu các khoản thiệt hại nêu trên. Vì vậy, yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Th đối với 5.042.092 đồng là không có căn cứ và không phù hợp nên không chấp nhận.

[6]. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản) là 4.342.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông Giàng A Th không được chấp nhận nên ông Th phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, được trừ vào số tiền 4.342.000 đồng đã nộp.

[7]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Giàng A Th không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với tranh chấp quyền sử dụng đất và 300.000 đồng đối với tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, ông Giàng A Th thuộc diện hộ nghèo và là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí nên ông Th được miễn án phí. Nghĩa vụ chịu án phí và được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6, 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Luật đất đai năm 2003; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giàng A Th về việc buộc ông Ma Seo N chấm dứt hành vi chiếm đất, trả lại đất đối với diện tích đất 475,3m^2 thuộc thửa đất số 43 tờ bản đồ số 10 có tứ cận: Phía đông giáp đường nhựa dài 10,98m, phía tây giáp thửa 50 dài 11,06m, phía nam giáp thửa 61 dài 43,28m, phía bắc giáp thửa 44 dài 43,48m.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giàng A Th về việc buộc ông Ma Seo N bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả đối với số tiền 5.042.092 (*năm triệu không trăm bốn mươi hai nghìn không trăm chín mươi hai*) đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Giàng A Th phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 4.342.000 (*bốn triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 4.342.000 (*bốn triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn*) đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

3. Về án phí: Miễn nộp án dân sự sơ thẩm đối với ông Giàng A Th.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân